



| Thông tin hoạt động                                                                                                                   |                                                                                                               |                                                    |                                                                                                    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Thông tin đánh giá/kiểm tra:</b>                                                                                                   |                                                                                                               |                                                    |                                                                                                    |
| Ngày:                                                                                                                                 |                                                                                                               | ID duy nhất của tiểu bang:                         | Kiểm tra PSR: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không                           |
| Đánh giá viên:                                                                                                                        |                                                                                                               | ID duy nhất của CQP:                               | Đánh giá CQP: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không                           |
| <b>Thông tin trang trại:</b>                                                                                                          |                                                                                                               |                                                    |                                                                                                    |
| Tên trang trại:                                                                                                                       |                                                                                                               |                                                    |                                                                                                    |
| Người tham gia đánh giá:                                                                                                              |                                                                                                               |                                                    |                                                                                                    |
| <b>Địa chỉ trang trại:</b>                                                                                                            |                                                                                                               |                                                    |                                                                                                    |
| Địa chỉ:                                                                                                                              | Thành phố/Thị trấn:                                                                                           | Tiểu bang:                                         | Zip:                                                                                               |
| <input type="checkbox"/> Địa chỉ gửi thư giống như địa chỉ gửi thư ở trên:                                                            |                                                                                                               |                                                    |                                                                                                    |
| Địa chỉ:                                                                                                                              | Thành phố/Thị trấn:                                                                                           | Tiểu bang:                                         | Zip:                                                                                               |
| Vị trí hoặc địa điểm khác thuộc phạm vi kiểm tra:                                                                                     |                                                                                                               |                                                    |                                                                                                    |
| <input type="checkbox"/> không áp dụng                                                                                                |                                                                                                               |                                                    |                                                                                                    |
| <b>Thông tin thủ tục giấy tờ:</b>                                                                                                     |                                                                                                               |                                                    |                                                                                                    |
| Tên trang trại ( <input type="checkbox"/> Giống như trên):                                                                            |                                                                                                               |                                                    |                                                                                                    |
| Giấy tờ được cấp cho ( <input type="checkbox"/> Giống như trên):                                                                      |                                                                                                               |                                                    |                                                                                                    |
| Điện thoại:                                                                                                                           | E-mail:                                                                                                       |                                                    |                                                                                                    |
| Địa chỉ ( <input type="checkbox"/> Giống như Địa chỉ trang trại ở trên) ( <input type="checkbox"/> Giống như Địa chỉ gửi thư ở trên): |                                                                                                               |                                                    |                                                                                                    |
| Địa chỉ:                                                                                                                              | Thành phố/Thị trấn:                                                                                           | Tiểu bang:                                         | Zip:                                                                                               |
| <b>Thông tin PSR:</b>                                                                                                                 |                                                                                                               |                                                    |                                                                                                    |
| Trang trại có trồng sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh không?:                                                                         | <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không                                                    |                                                    |                                                                                                    |
| Hoạt động trang trại:                                                                                                                 | <input type="checkbox"/> Trồng                                                                                | <input type="checkbox"/> Thu hoạch                 | <input type="checkbox"/> Đóng gói <input type="checkbox"/> Bảo quản <input type="checkbox"/> Xử lý |
| Doanh số bán sản phẩm hàng năm:                                                                                                       | <input type="checkbox"/> ≤ \$25.000                                                                           | <input type="checkbox"/> \$25.001 - \$250.000      | <input type="checkbox"/> \$250.001 - \$500.000 <input type="checkbox"/> \$500.000+                 |
| Tổng doanh thu thực phẩm hàng năm:                                                                                                    | <input type="checkbox"/> Dưới \$500.000                                                                       | <input type="checkbox"/> \$500.000+                |                                                                                                    |
| Sản phẩm của quý vị được tiếp thị như thế nào?:                                                                                       | <input type="checkbox"/> Bán buôn <input type="checkbox"/> Tiếp thị trực tiếp <input type="checkbox"/> Cả hai |                                                    |                                                                                                    |
| Hơn 50% doanh số bán hàng là (1) Trực tiếp đến người tiêu dùng hay (2) Bán lẻ hoặc Nhà hàng phải không?                               | <input type="checkbox"/> Phải <input type="checkbox"/> Không                                                  |                                                    |                                                                                                    |
| Nếu có, hầu hết doanh số bán hàng đều ở Massachusetts phải không?                                                                     | <input type="checkbox"/> Phải <input type="checkbox"/> Không                                                  |                                                    |                                                                                                    |
| Trạng thái PSR:                                                                                                                       | <input type="checkbox"/> Trang trại có mái che lớn                                                            | <input type="checkbox"/> Trang trại có mái che nhỏ | <input type="checkbox"/> Trang trại có mái che rất nhỏ                                             |
|                                                                                                                                       | <input type="checkbox"/> Đủ điều kiện miễn trừ                                                                | <input type="checkbox"/> Miễn xử lý                | <input type="checkbox"/> Miễn trừ (theo mặt hàng hoặc kích cỡ)                                     |
| <b>Kiểm tra tiếp theo:</b>                                                                                                            |                                                                                                               |                                                    |                                                                                                    |
| Có cần kiểm tra tiếp theo không?:                                                                                                     | <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không                                                    |                                                    |                                                                                                    |
| Ghi chú:                                                                                                                              |                                                                                                               |                                                    |                                                                                                    |



## Hàng hóa được Đánh giá/Kiểm tra

### Sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh:

- |                                               |                                                            |                                          |                                       |                                         |
|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Hạnh nhân            | <input type="checkbox"/> Khế                               | <input type="checkbox"/> Nho             | <input type="checkbox"/> Cải xanh     | <input type="checkbox"/> Rutabagas      |
| <input type="checkbox"/> Táo                  | <input type="checkbox"/> Cà rốt                            | <input type="checkbox"/> Đậu xanh        | <input type="checkbox"/> Quả xuân đào | <input type="checkbox"/> Hành lá        |
| <input type="checkbox"/> Mơ                   | <input type="checkbox"/> Súp lơ                            | <input type="checkbox"/> Quả ôi          | <input type="checkbox"/> Hành tây     | <input type="checkbox"/> Hẹ tây         |
| <input type="checkbox"/> Mơ-mận               | <input type="checkbox"/> Củ cải                            | <input type="checkbox"/> Thảo dược       | <input type="checkbox"/> Đu đủ        | <input type="checkbox"/> Đậu tuyết      |
| <input type="checkbox"/> Atisô, loại hình cầu | <input type="checkbox"/> Cần tây                           | <input type="checkbox"/> Dưa lưới        | <input type="checkbox"/> Rau mùi tây  | <input type="checkbox"/> Măng cầu xiêm  |
| <input type="checkbox"/> Lê châu Á            | <input type="checkbox"/> Su su                             | <input type="checkbox"/> Huckleberry     | <input type="checkbox"/> Chanh dây    | <input type="checkbox"/> Rau chân vịt   |
| <input type="checkbox"/> Bơ                   | <input type="checkbox"/> Anh đào, ngọt                     | <input type="checkbox"/> Atisô Jerusalem | <input type="checkbox"/> Quả đào      | <input type="checkbox"/> Rau mầm        |
| <input type="checkbox"/> Đu đủ núi            | <input type="checkbox"/> Hạt dẻ                            | <input type="checkbox"/> Cải xoăn        | <input type="checkbox"/> Lê           | <input type="checkbox"/> Đậu tây        |
| <input type="checkbox"/> Chuối                | <input type="checkbox"/> Rau diếp xoăn                     | <input type="checkbox"/> Quả Kiwi        | <input type="checkbox"/> Đậu Hà Lan   | <input type="checkbox"/> Bí mùa hè      |
| <input type="checkbox"/> Rau cúc đắng         | <input type="checkbox"/> Cam quýt (chanh vàng, chanh xanh) | <input type="checkbox"/> Kohlrabi        | <input type="checkbox"/> Ót           | <input type="checkbox"/> Quả na         |
| <input type="checkbox"/> Quả mâm xôi          | <input type="checkbox"/> Đậu đũa                           | <input type="checkbox"/> Quýt            | <input type="checkbox"/> Hạt thông    | <input type="checkbox"/> Củ cải Thụy Sĩ |
| <input type="checkbox"/> Quả việt quất        | <input type="checkbox"/> Cải xoong                         | <input type="checkbox"/> Tỏi tây         | <input type="checkbox"/> Dứa          | <input type="checkbox"/> Khoai môn      |
| <input type="checkbox"/> Boysenberry          | <input type="checkbox"/> Dưa chuột                         | <input type="checkbox"/> Xà lách         | <input type="checkbox"/> Cây chuối    | <input type="checkbox"/> Cà chua        |
| <input type="checkbox"/> Quả hạch Brazil      | <input type="checkbox"/> Rau cúc đắng lá xoăn              | <input type="checkbox"/> Quả vải         | <input type="checkbox"/> Quả mận      | <input type="checkbox"/> Nghệ           |
| <input type="checkbox"/> Đậu tằm (Fava)       | <input type="checkbox"/> Nho                               | <input type="checkbox"/> Hạt Macadamia   | <input type="checkbox"/> Mận mơ       | <input type="checkbox"/> Củ cải         |
| <input type="checkbox"/> Bông cải xanh        | <input type="checkbox"/> Lá bồ công anh                    | <input type="checkbox"/> Xoài            | <input type="checkbox"/> Quả mộc qua  | <input type="checkbox"/> Quả óc chó     |
| <input type="checkbox"/> Cải Brussels         | <input type="checkbox"/> Cây thì là                        | <input type="checkbox"/> Dưa             | <input type="checkbox"/> Radicchio    | <input type="checkbox"/> Cải xoong      |
| <input type="checkbox"/> Cây ngưu bàng        | <input type="checkbox"/> Tỏi                               | <input type="checkbox"/> Microgreen      | <input type="checkbox"/> Củ cải       | <input type="checkbox"/> Dưa hấu        |
| <input type="checkbox"/> Bắp cải              | <input type="checkbox"/> Genip                             | <input type="checkbox"/> Đậu tằm         | <input type="checkbox"/> Quả mâm xôi  | <input type="checkbox"/> Yam            |
| <input type="checkbox"/> Dưa đỏ               | <input type="checkbox"/> Quả lý gai                        | <input type="checkbox"/> Nấm             | <input type="checkbox"/> Đại hoàng    |                                         |

### Sản phẩm được miễn trừ:

- |                                              |                                        |                                            |                                     |                                           |
|----------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Măng tây            | <input type="checkbox"/> Củ cải đường  | <input type="checkbox"/> Ngô ngọt          | <input type="checkbox"/> Quả phỉ    | <input type="checkbox"/> Khoai tây        |
| <input type="checkbox"/> Đậu đen             | <input type="checkbox"/> Hạt điều      | <input type="checkbox"/> Quả nam việt quất | <input type="checkbox"/> Cải ngựa   | <input type="checkbox"/> Bí ngô           |
| <input type="checkbox"/> Đậu, Great Northern | <input type="checkbox"/> Anh đào, chua | <input type="checkbox"/> Chà là            | <input type="checkbox"/> Đậu lăng   | <input type="checkbox"/> Bí đao, Mùa đông |
| <input type="checkbox"/> Đậu, Thận           | <input type="checkbox"/> Đậu gà        | <input type="checkbox"/> Thì là ta         | <input type="checkbox"/> Đậu bắp    | <input type="checkbox"/> Khoai lang       |
| <input type="checkbox"/> Đậu, Lima           | <input type="checkbox"/> Hạt cacao     | <input type="checkbox"/> Cà tím            | <input type="checkbox"/> Đậu phộng  | <input type="checkbox"/> Hạt dẻ nước      |
| <input type="checkbox"/> Đậu, Hải quân       | <input type="checkbox"/> Hạt cà phê    | <input type="checkbox"/> Quả sung          | <input type="checkbox"/> Quả hồ đào |                                           |
| <input type="checkbox"/> Đậu, Pinto          | <input type="checkbox"/> Cải rổ        | <input type="checkbox"/> Gừng              | <input type="checkbox"/> Bạc hà     |                                           |

Các mặt hàng khác không được liệt kê ở trên:

(Hãy ghi chú nếu Húng quế, Ngò, Lá oregano, Mùi tây, Hương thảo, Cây xô thơm và/hoặc Húng tây được ghi rõ ngoài “Thảo dược” ra)

|  |
|--|
|  |
|--|

## Ghi chú

|  |
|--|
|  |
|--|



# Danh sách kiểm tra an toàn sản xuất

| STT        | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Có                       | Không                    | Không áp dụng            | Nhận xét của đánh giá viên |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------|
| <b>1</b>   | <b>(Các) Kế hoạch An toàn Thực phẩm mGAPS</b>                                                                                                                                                                                                                                                                       |                          |                          |                          |                            |
| 1.0.1      | Có kế hoạch an toàn thực phẩm nào được áp dụng dựa trên các yêu cầu của mGAPS và Quy tắc An toàn Sản xuất không?                                                                                                                                                                                                    | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | W                          |
| 1.0.2      | Người quản lý An toàn Thực phẩm Trang trại có được xác định không?                                                                                                                                                                                                                                                  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| 1.0.3      | Người quản lý An toàn Thực phẩm Trang trại đã được đào tạo chính thức theo quy định của Liên minh An toàn Sản xuất chưa?                                                                                                                                                                                            | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §<br>R                     |
| 1.0.4      | Kế hoạch an toàn thực phẩm có được xem xét lại tối thiểu hàng năm không?                                                                                                                                                                                                                                            | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | R                          |
| 1.0.5      | Có bản đồ trang trại xác định ở mức tối thiểu: cánh đồng đang canh tác, đồng phân trộn, vật nuôi nằm trong trang trại hoặc liền kề với trang trại, tòa nhà, kho chứa thuốc trừ sâu, hệ thống tự hoại, nguồn nước, máy bơm, đường ống chính, điểm rút nước, phân phối nước tưới (nhỏ giọt, trên cao) và nhà vệ sinh? | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | R                          |
| <b>1.1</b> | <b>Truy xuất nguồn gốc/Thu hồi</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                          |                          |                          |                            |
| 1.1.1      | Trang trại có chương trình truy xuất nguồn gốc dạng văn bản không?                                                                                                                                                                                                                                                  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | W                          |
| 1.1.2      | Chương trình truy xuất nguồn gốc, (các) quy trình và hồ sơ tương ứng có cho phép trang trại theo dõi sản phẩm từ cánh đồng đến điểm bán hàng và/hoặc phân phối một cách hiệu quả không?                                                                                                                             | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | W<br>R                     |
| 1.1.3      | Nếu trang trại mang sản phẩm đến để bán lại từ trang trại khác hoặc nguồn bên ngoài khác, chương trình truy xuất nguồn gốc có bao gồm sản phẩm này và/hoặc giải quyết vấn đề trộn lẫn tiềm năng không?                                                                                                              | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | W                          |
| 1.1.4      | Có chương trình thu hồi không?                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | W                          |



# Danh sách kiểm tra an toàn sản xuất

| STT        | Yêu cầu                                                                                                                                                                                             | Có                       | Không                    | Không áp dụng            | Nhận xét của đánh giá viên |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------|
| 1.1.5      | Hoạt động thu hồi mô phỏng có được thực hiện và thể hiện dưới dạng văn bản trong vòng 12 tháng qua không?                                                                                           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | R                          |
| 1.1.6      | Tên và địa chỉ của trang trại có được thể hiện nổi bật trên nhãn bao bì thực phẩm hoặc tại (các) điểm bán hàng không?                                                                               | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §<br>W                     |
| <b>1.2</b> | <b>An ninh trang trại</b>                                                                                                                                                                           |                          |                          |                          |                            |
| 1.2.1      | Có các biện pháp an ninh được áp dụng để giảm thiểu các hành vi nguy hiểm đối với sản phẩm, tài sản và nhân sự không?                                                                               | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            |
| <b>2</b>   | <b>Đào tạo, Vệ sinh và Sức khỏe Người lao động</b>                                                                                                                                                  |                          |                          |                          |                            |
| <b>2.0</b> | <b>Đào tạo</b>                                                                                                                                                                                      |                          |                          |                          |                            |
| 2.0.1      | Có chính sách đào tạo bằng văn bản bao gồm lịch trình, hỗ trợ đa ngôn ngữ và chương trình đào tạo không?                                                                                            | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §<br>W                     |
| 2.0.2      | Các khóa đào tạo đã được hoàn thành và thể hiện dưới dạng văn bản chưa?                                                                                                                             | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §<br>R                     |
| 2.0.3      | Việc đào tạo có được tiến hành khi được thuê và hàng năm sau đó hoặc khi cần thiết không?                                                                                                           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| 2.0.4      | Trang trại có các yêu cầu/hướng dẫn vệ sinh được thể hiện rõ ràng cho tất cả người lao động và khách đến trang trại và, nếu có, được đăng bằng các ngôn ngữ khác được sử dụng tại trang trại không? | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | W                          |
| 2.0.5      | Các đối tác kinh doanh/hợp đồng và khách tham quan có được tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm giống như nhân viên trang trại đã được đào tạo không?                                          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| <b>2.1</b> | <b>Thiết bị vệ sinh</b>                                                                                                                                                                             |                          |                          |                          |                            |



# Danh sách kiểm tra an toàn sản xuất

| STT        | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                  | Có                       | Không                    | Không áp dụng            | Nhận xét của đánh giá viên |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------|
| 2.1.1      | Tất cả các thiết bị vệ sinh của nhân viên (bao gồm cả nhà vệ sinh/nhà vệ sinh di động và tạm thời) có được bảo trì thường xuyên và trong tình trạng sạch sẽ và hợp vệ sinh không?                        | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| 2.1.2      | Có hồ sơ cho biết khi nào cơ sở vật chất và phòng vệ sinh được làm sạch và dự trữ không?                                                                                                                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | R                          |
| 2.1.3      | Nhà vệ sinh có được thiết kế không một cách thích hợp và chúng có được đặt ở vị trí có nguy cơ ô nhiễm tối thiểu không?                                                                                  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| 2.1.4      | Các cơ sở vệ sinh có dễ dàng tiếp cận với nhân viên và khách và có đủ số lượng không?                                                                                                                    | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| 2.1.5      | Biển báo yêu cầu rửa tay có được dán không?                                                                                                                                                              | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            |
| 2.1.6      | Tất cả các cơ sở rửa tay (kể cả ở ngoài đồng) có được trang bị đủ nước, xà phòng và khăn dùng một lần không? Có thùng đựng thích hợp để thải bỏ khăn dùng một lần và các chất thải thích hợp khác không? | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| 2.1.7      | Các cơ sở rửa tay có được đặt ngay cạnh nhà vệ sinh, trên cánh đồng thu hoạch hoặc bất kỳ nguồn ô nhiễm tiềm ẩn nào khác không?                                                                          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            |
| 2.1.8      | Nhân viên trang trại có rửa tay bất cứ lúc nào khi tay họ có thể là nguồn lây nhiễm không?                                                                                                               | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| <b>2.2</b> | <b>Vệ sinh người lao động</b>                                                                                                                                                                            |                          |                          |                          |                            |
| 2.2.1      | Quần áo, giày dép và thiết bị bảo hộ có được duy trì hiệu quả, phù hợp với mục đích sử dụng và được mặc theo cách giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm sản phẩm không?                                             | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |



# Danh sách kiểm tra an toàn sản xuất

| STT   | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                            | Có                       | Không                    | Không áp dụng            | Nhận xét của đánh giá viên |        |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------|--------|
| 2.2.2 | Nếu đeo găng tay khi xử lý các sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh hoặc các bề mặt tiếp xúc với thực phẩm, có chính sách bằng văn bản nào không và găng tay có được bảo quản nguyên vẹn, trong tình trạng vệ sinh hay được thay thế khi chúng trở thành nguồn ô nhiễm tiềm ẩn không? | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | §<br>W |
| 2.2.3 | Găng tay, tạp dề hoặc các thiết bị khác có được tháo ra trước khi sử dụng nhà vệ sinh hoặc trong giờ giải lao không?                                                                                                                                                               | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | §      |
| 2.2.4 | Nếu trang sức được đeo trong quá trình xử lý sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh hoặc bề mặt tiếp xúc với thực phẩm, có chính sách nào được áp dụng không và trang sức có được bảo quản trong điều kiện hợp vệ sinh để ngăn không cho nó trở thành nguồn ô nhiễm tiềm ẩn không?      | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | §      |
| 2.2.5 | Có mái tóc che phủ hay không? chính sách ngăn chặn hiện có, và nếu vậy, nó có được tuân thủ không?                                                                                                                                                                                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | §      |
| 2.2.6 | Hút thuốc, nhai, ăn, uống (trừ nước), đi tiêu, đại tiện hoặc khạc nhổ có bị nghiêm cấm rõ ràng ở các khu vực trồng trọt/đóng gói/thu hoạch/bảo quản không?                                                                                                                         | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | §      |
| 2.2.7 | Các khu vực giải lao và khu vực tiếp cận của khách tham quan có nằm cách xa khu vực lưu chuyển sản phẩm và kho chứa không?                                                                                                                                                         | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            |        |
| 2.2.8 | Nước uống có sẵn cho tất cả nhân viên hiện trường không?                                                                                                                                                                                                                           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            |        |
| 2.2.9 | Khi thích hợp, các giá đỡ/thùng chứa hoặc khu vực lưu trữ được chỉ định có được cung cấp cho đồ đạc, thiết bị bảo hộ và dụng cụ của nhân viên không và chúng có được đặt cách xa khu vực luân chuyển sản phẩm không?                                                               | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            |        |
| 2.3   | Sức khỏe người lao động                                                                                                                                                                                                                                                            |                          |                          |                          |                            |        |



# Danh sách kiểm tra an toàn sản xuất

| STT      | Yêu cầu                                                                                                                                                                                    | Có                       | Không                    | Không áp dụng            | Nhận xét của đánh giá viên |        |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------|--------|
| 2.3.1    | Nhân viên có vết cắt, vết loét hoặc vết thương hở có bị hạn chế xử lý sản phẩm không?                                                                                                      | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | §      |
| 2.3.2    | Có chính sách và SOP về máu và dịch cơ thể bằng văn bản liên quan đến việc xử lý và dọn dẹp các khu vực bị ô nhiễm không?                                                                  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | W      |
| 2.3.3    | Tất cả nhân viên (kể cả nhân viên hiện trường) có thể sử dụng các bộ dụng cụ sơ cứu cập nhật không?                                                                                        | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            |        |
| 2.3.4    | Những nhân viên (bao gồm cả nhân viên hiện trường) có dấu hiệu bị bệnh có bị hạn chế tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm, khu vực luân chuyển sản phẩm và bề mặt tiếp xúc với thực phẩm không? | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | §      |
| 2.3.5    | Hồ sơ có được lưu giữ đối với những nhân viên bị hạn chế (do bệnh tật hoặc thương tích) tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm, vùng lưu chuyển sản phẩm và bề mặt tiếp xúc với thực phẩm không?  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | R      |
| <b>3</b> | <b>Cải tạo đất</b>                                                                                                                                                                         |                          |                          |                          |                            |        |
| 3.0.1    | Nhân viên trang trại có liên quan đã được đào tạo về cách xử lý Điều chỉnh Đất Sinh học có Nguồn gốc Động vật (BSAAO) chưa?                                                                | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | §      |
| 3.0.2    | Có hồ sơ nào chỉ ra loại hình và thời gian áp dụng các biện pháp cải tạo đất chưa qua xử lý không?                                                                                         | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | R      |
| 3.0.3    | Có SOP để làm sạch và vệ sinh thiết bị tiếp xúc với chất cải tạo đất làm từ động vật không?                                                                                                | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | §      |
| 3.0.4    | Nếu sử dụng chất cải tạo đất mua từ bên thứ ba, có thư bảo đảm đảm bảo nội dung và/hoặc quy trình không phải là nguồn có thể gây ô nhiễm vi khuẩn không?                                   | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | §<br>R |



# Danh sách kiểm tra an toàn sản xuất

| STT        | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                           | Có                       | Không                    | Không áp dụng            | Nhận xét của đánh giá viên |        |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------|--------|
| 3.0.5      | Các chất cải tạo đất có được bảo quản đúng cách, cách xa địa điểm thu hoạch, đóng gói và bảo quản sản phẩm không?                                                                                                                                                                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | §      |
| 3.0.6      | Nếu chất thải của con người đang được sử dụng, nó có đáp ứng các quy định của EPA đối với chất rắn sinh học 40 CFR phần 503 không?                                                                                                                                                | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | §<br>R |
| <b>3.1</b> | <b>Cải tạo đất chưa được xử lý</b>                                                                                                                                                                                                                                                |                          |                          |                          |                            |        |
| 3.1.1      | Có tránh áp dụng các biện pháp cải tạo đất chưa qua xử lý tại các khu vực sản xuất nông sản trong vòng hai (2) tuần sau khi trồng hoặc trong vòng 120 ngày kể từ ngày thu hoạch đối với các sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với đất (90 ngày không tiếp xúc trực tiếp với đất) không? | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | §<br>R |
| <b>3.2</b> | <b>Phân trộn</b>                                                                                                                                                                                                                                                                  |                          |                          |                          |                            |        |
| 3.2.1      | Quy trình ủ phân ở trang trại đã được xác nhận một cách khoa học chưa (ủ phân tĩnh, ủ phân quay, loại khác)?                                                                                                                                                                      | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | §      |
| 3.2.2      | Có hồ sơ nào tại chỗ cho theo dõi quá trình ủ phân và thời gian đảo trộn, nhiệt độ lõi và các chỉ số khác có được ghi lại thường xuyên không?                                                                                                                                     | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | §<br>R |
| <b>4</b>   | <b>Động vật</b>                                                                                                                                                                                                                                                                   |                          |                          |                          |                            |        |
| 4.0.1      | Hoạt động của động vật có được theo dõi thường xuyên không?                                                                                                                                                                                                                       | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | §      |
| <b>4.1</b> | <b>Động vật hoang dã</b>                                                                                                                                                                                                                                                          |                          |                          |                          |                            |        |
| 4.1.1      | Có SOP phù hợp để ghi chép và cách ly các khu vực sản xuất và hoạt động trong trường hợp có sự xâm nhập đáng kể của động vật hoang dã không?                                                                                                                                      | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | §<br>R |



# Danh sách kiểm tra an toàn sản xuất

| STT        | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                 | Có                       | Không                    | Không áp dụng            | Nhận xét của đánh giá viên |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------|
| 4.1.2      | Các biện pháp có được thực hiện (hàng rào, dây, v.v.) để hạn chế và/hoặc loại trừ động vật hoang dã khỏi các khu vực gây thiệt hại cho mùa màng không?                                                                  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            |
| <b>4.2</b> | <b>Động vật trang trại (Trong trang trại hoặc thuộc tính lân cận)</b>                                                                                                                                                   |                          |                          |                          |                            |
| 4.2.1      | Tất cả động vật trang trại/vật nuôi có bị hạn chế và bố trí theo cách để giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm vi sinh vật ở khu vực sản xuất/thu hoạch, thiết bị, kho bảo quản và khu vực luân chuyển sản phẩm không?             | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| 4.2.2      | Các SOP có được phát triển liên quan đến động vật trang trại đang làm việc nếu được sử dụng trong trang trại (rửa tay, thiết bị riêng, v.v.) không?                                                                     | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| 4.2.3      | Các SOP và biện pháp quản lý có được áp dụng đối với những nhân viên đang làm việc xử lý động vật trong vườn thú, động vật làm việc, vật nuôi hoặc bất kỳ loại động vật được thuần hóa nào khác trong trang trại không? | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| 4.2.4      | Các vườn thú cung có được bố trí hợp lý không và có treo biển hướng dẫn nhân viên và khách tham quan rửa tay sau khi chạm vào động vật không?                                                                           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §<br>W                     |
| 4.2.4      | Phân từ vườn thú cung có được bảo quản và xử lý theo cách giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm vi sinh vật không?                                                                                                                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| <b>4.3</b> | <b>Vật nuôi</b>                                                                                                                                                                                                         |                          |                          |                          |                            |
| 4.3.1      | Vật nuôi có bị hạn chế ra khỏi khu vực trồng trọt, thu hoạch, đóng gói và bảo quản cũng như chất thải của chúng có được kiểm soát để giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm không?                                                  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |



# Danh sách kiểm tra an toàn sản xuất

| STT        | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                          | Có                       | Không                    | Không áp dụng            | Nhận xét của đánh giá viên |        |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------|--------|
| 4.3.2      | Có đặt biển báo để truyền đạt việc hạn chế vật nuôi vào khu vực trồng trọt, thu hoạch và đóng gói cho khách tham quan và hàng xóm của cơ sở không?                                                                               | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | W      |
| <b>5</b>   | <b>Nước nông nghiệp</b>                                                                                                                                                                                                          |                          |                          |                          |                            |        |
| 5.0.1      | Các đánh giá rủi ro ban đầu (trước vụ) có được thực hiện và thể hiện dưới dạng văn bản, có tính đến lịch sử nguồn nước, đặc điểm/giai đoạn trồng trọt, phương pháp áp dụng, hệ thống phân phối nước và cơ sở hạ tầng nước không? | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | §<br>R |
| <b>5.1</b> | <b>Nước trước thu hoạch</b>                                                                                                                                                                                                      |                          |                          |                          |                            |        |
| 5.1.1      | Nước được sử dụng trước khi thu hoạch có bằng hoặc ít hơn 126 Đơn vị Hình thành Khuẩn lạc (CFU) trên 100ml vi khuẩn E. coli chung không?                                                                                         | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | §<br>R |
| <b>5.2</b> | <b>Nước sau thu hoạch</b>                                                                                                                                                                                                        |                          |                          |                          |                            |        |
| 5.2.1      | Nước và đá được sử dụng trong các hoạt động sau thu hoạch và rửa tay có phải là loại không chứa vi khuẩn E. coli và có đủ chất lượng vệ sinh không?                                                                              | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | §<br>R |
| 5.2.2      | Nếu sử dụng phương pháp nhúng hoặc tuần hoàn nước, có SOP lịch trình thay nước không?                                                                                                                                            | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | §      |
| 5.2.3      | Tùy thuộc vào loại hệ thống rửa nào được sử dụng, nhiệt độ nước hoặc độ đục có được theo dõi không?                                                                                                                              | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | §      |
| 5.2.4      | Nếu (các) chất khử trùng được sử dụng trong nước tráng/rửa, chúng có được phép sử dụng tiếp xúc với thực phẩm không và việc sử dụng đó có được giám sát và ghi chép phù hợp không?                                               | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | §<br>R |
| 5.2.5      | Chất thải/nước rửa/nước làm mát có được xử lý theo cách giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm không?                                                                                                                                        | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            | §      |



# Danh sách kiểm tra an toàn sản xuất

| STT        | Yêu cầu                                                                                                                                                                                  | Có                       | Không                    | Không áp dụng            | Nhận xét của đánh giá viên |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------|
| 5.2.6      | Nếu sử dụng bồn chứa nước, có SOP và hồ sơ nào về tần suất và phương pháp vệ sinh không?                                                                                                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §<br>W<br>R                |
| <b>5.3</b> | <b>Kiểm tra nước</b>                                                                                                                                                                     |                          |                          |                          |                            |
| 5.3.1      | Phòng thí nghiệm kiểm tra nước được sử dụng cho cuộc kiểm tra trên có thực hiện phương pháp được FDA phê chuẩn để kiểm tra vi khuẩn E. coli chung phù hợp với các yêu cầu của PSR không? | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| 5.3.2      | Tất cả các nguồn nước mặt, kể cả những nguồn không được sử dụng thường xuyên, có được kiểm tra (3) ba lần một năm theo yêu cầu của chương trình mGAPS không?                             | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §<br>R                     |
| 5.3.3      | Các kết quả kiểm tra nguồn nước mặt có được xác định chính xác (theo bản đồ trang trại) và được ghi lại không?                                                                           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §<br>R                     |
| 5.3.4      | Tất cả các nguồn nước ngầm, kể cả những nguồn không được sử dụng thường xuyên, có được kiểm tra (2) hai lần một năm theo yêu cầu của chương trình mGAPS không?                           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §<br>R                     |
| 5.3.5      | Kết quả kiểm tra nguồn nước ngầm có được xác định chính xác (theo bản đồ trang trại) và được ghi lại không?                                                                              | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §<br>R                     |
| 5.3.6      | Các kết quả kiểm tra nguồn nước của thành phố có được xác định và ghi lại đúng cách không (báo cáo của thành phố về chất lượng nước)?                                                    | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §<br>R                     |
| <b>6</b>   | <b>Thu hoạch và sau thu hoạch</b>                                                                                                                                                        |                          |                          |                          |                            |
| <b>6.0</b> | <b>Thực hành thu hoạch</b>                                                                                                                                                               |                          |                          |                          |                            |
| 6.0.1      | Có chính sách nào nêu rõ các sản phẩm bị ô nhiễm, pha trộn, hư hỏng hoặc mục nát rõ ràng không được thu hoạch hoặc bị loại bỏ không?                                                     | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |



# Danh sách kiểm tra an toàn sản xuất

| STT        | Yêu cầu                                                                                                                                                                       | Có                       | Không                    | Không áp dụng            | Nhận xét của đánh giá viên |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------|
| 6.0.2      | Sản phẩm không được che phủ có được giữ tách biệt với sản phẩm được che phủ không?                                                                                            | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| 6.0.3      | Có SOP để làm sạch và vệ sinh các bề mặt tiếp xúc với thực phẩm dùng chung (cây trồng thuộc phạm vi điều chỉnh và không thuộc phạm vi điều chỉnh) giữa các lần sử dụng không? | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| <b>6.1</b> | <b>Thùng thu hoạch</b>                                                                                                                                                        |                          |                          |                          |                            |
| 6.1.1      | Các thùng chứa thu hoạch (bao gồm cả thùng gỗ) có được sử dụng, bảo quản và kiểm tra đúng cách để giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm không?                                           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| 6.1.2      | Các thùng và thùng chứa thu hoạch trên đồng có được xác định và sử dụng cụ thể cho mục đích này không?                                                                        | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| 6.1.3      | Có SOP nào chỉ ra thời điểm và cách thức làm sạch và vệ sinh các thùng/thùng thu hoạch không?                                                                                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| 6.1.4      | Nếu tiến hành thu hoạch trực tiếp bằng hộp, các hộp có mới không và chúng có được giữ cách xa tiếp xúc trực tiếp với đất trong quá trình thu hoạch không?                     | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| 6.1.5      | Người lao động có được đào tạo để xác định các vấn đề với thùng chứa hoặc thiết bị thu hoạch và báo cáo những vấn đề đó cho người giám sát không?                             | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| <b>6.2</b> | <b>Vật liệu đóng gói</b>                                                                                                                                                      |                          |                          |                          |                            |
| 6.2.1      | Vật liệu đóng gói/đóng gói thực phẩm có được phê duyệt để sử dụng khi tiếp xúc với thực phẩm không?                                                                           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| 6.2.2      | Sản phẩm có nhạy cảm với <i>Clostridium botulinum</i> được đóng gói theo cách ngăn ngừa được mối nguy này không?                                                              | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| 6.2.3      | Bao bì có được duy trì và bảo quản theo cách giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm không?                                                                                                | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| <b>6.3</b> | <b>Sau thu hoạch</b>                                                                                                                                                          |                          |                          |                          |                            |



# Danh sách kiểm tra an toàn sản xuất

| STT        | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                           | Có                       | Không                    | Không áp dụng            | Nhận xét của đánh giá viên |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------|
| 6.3.1      | Có SOP và hồ sơ nào cho biết khi nào thiết bị và phương tiện trong phòng đóng gói được kiểm tra, làm sạch và khử trùng không?                                                                                                                                     | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | § R                        |
| 6.3.2      | Thiết bị, phương tiện và các công cụ khác được sử dụng trong quá trình đóng gói có tiếp xúc với sản phẩm ở tình trạng tốt và không phải là nguồn gây ô nhiễm không?                                                                                               | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| 6.3.3      | Các dụng cụ hoặc biện pháp kiểm soát được sử dụng để đo lường, điều chỉnh hoặc ghi lại nhiệt độ, độ pH, hiệu quả khử trùng hoặc các điều kiện khác nhằm kiểm soát hoặc ngăn chặn sự phát triển của vi sinh vật là: chính xác, được bảo trì đầy đủ và đủ số lượng? | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| <b>6.4</b> | <b>Cơ sở vật chất/Kiểm soát sinh vật gây hại</b>                                                                                                                                                                                                                  |                          |                          |                          |                            |
| 6.4.1      | Quy mô, kết cấu và thiết kế của tòa nhà (để trồng trong nhà, đóng gói, bảo quản lạnh, bảo quản khô, v.v.) có đủ để ngăn ngừa ô nhiễm sản phẩm (bao gồm hệ thống thoát nước, đường ống, sàn nhà, tường, đồ đạc và trần nhà) không?                                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| 6.4.2      | Cơ sở vật chất và khu vực luân chuyển sản phẩm có được giữ trong tình trạng gọn gàng và ngăn nắp không?                                                                                                                                                           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| 6.4.3      | Các khu vực nhà xưởng/bảo trì nằm trong các tòa nhà đa năng có được xác định rõ ràng và đảm bảo an ninh khi có thể và không phải là nguồn ô nhiễm không?                                                                                                          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| 6.4.4      | Đèn đặt trong khu vực lưu chuyển sản phẩm có được bảo vệ hoặc chống vỡ (bao gồm cả đèn côn trùng) không?                                                                                                                                                          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            |
| 6.4.5      | Hệ thống nước thải và chất tự hoại có được bố trí và bảo trì theo cách ngăn chặn được sự nhiễm bẩn của sản phẩm hoặc bề mặt tiếp xúc với thực phẩm không?                                                                                                         | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |



# Danh sách kiểm tra an toàn sản xuất

| STT    | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Có                       | Không                    | Không áp dụng            | Nhận xét của đánh giá viên |
|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------|
| 6.4.6  | Chất thải hữu cơ (loại bỏ, mảnh vụn từ quá trình đóng gói, v.v.) có được xử lý và bố trí theo cách làm giảm sự xâm nhập của sâu bệnh và ô nhiễm chéo không?                                                                                                                                                         | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            |
| 6.4.7  | Sân ngoài trời, bãi đậu xe và chu vi tòa nhà có được bảo trì và không có mảnh vụn, rác thải, nơi trú ẩn của sâu bệnh và thoát nước đầy đủ không?                                                                                                                                                                    | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                            |
| 6.4.8  | Có chương trình kiểm soát sinh vật gây hại tại chỗ không và các biện pháp cũng như thực hành kiểm soát có được thực hiện đầy đủ để kiểm soát quần thể sinh vật gây hại mục tiêu không?                                                                                                                              | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | §                          |
| 6.4.9  | Nếu chương trình kiểm soát sinh vật gây hại được quản lý nội bộ thì có SOP và hồ sơ để đánh giá và duy trì các biện pháp kiểm soát cần thiết không?                                                                                                                                                                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | R                          |
| 6.4.10 | Nếu chương trình kiểm soát sinh vật gây hại được quản lý bởi bên thứ ba, có sẵn hồ sơ hoặc nhật ký nào cho biết các biện pháp và nỗ lực kiểm soát thích hợp đã được thực hiện không? Có bằng chứng cho thấy công ty kiểm soát sinh vật gây hại đã tích cực nỗ lực kiểm soát sự xâm nhập của sinh vật gây hại không? | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | R                          |



# Danh sách kiểm tra môi trường

## 7.0 Thực hành quản lý chất dinh dưỡng

- |                          |                                                                                                                                             |
|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> | Kế hoạch quản lý chất dinh dưỡng được áp dụng và tuân theo các khuyến nghị của kế hoạch Quản lý chất dinh dưỡng của UMass.                  |
| <input type="checkbox"/> | Kế hoạch quản lý chất dinh dưỡng được thực hiện và tiếp theo là các phương tiện khác (chẳng hạn như nhà tư vấn hoặc nhà cung cấp hóa chất). |
| <input type="checkbox"/> | Các thử nghiệm đất được thực hiện theo các phương pháp quản lý tốt nhất.                                                                    |
| <input type="checkbox"/> | Các thử nghiệm đất được thực hiện khi cần thiết và không tuân theo các biện pháp quản lý tốt nhất.                                          |
| <input type="checkbox"/> | Khi tiến hành kiểm tra đất, phân bón và các chất cải tạo sẽ được áp dụng tùy theo kết quả.                                                  |
| <input type="checkbox"/> | Các cải tạo và phân bón được thực hiện có tham khảo các phương pháp quản lý tốt nhất hoặc hướng dẫn từ bên thứ ba đủ tiêu chuẩn khác.       |
| <input type="checkbox"/> | Hồ sơ về phân bón và các đơn xin cải tạo (ngày, vật liệu, tỷ lệ, địa điểm) được lưu giữ để tham khảo trong tối thiểu hai năm.               |
| <input type="checkbox"/> | Xét nghiệm mô được thực hiện theo các phương pháp quản lý tốt nhất.                                                                         |
| <input type="checkbox"/> | Xét nghiệm mô được thực hiện khi cần thiết và không tuân theo các biện pháp quản lý tốt nhất.                                               |

## 8.0 Bảo vệ đất

- |                          |                                                                                           |
|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> | Kế hoạch kiểm soát xói mòn được xây dựng trước khi bắt đầu bất kỳ hoạt động xây dựng nào. |
| <input type="checkbox"/> | Các công trình chống xói mòn và trầm tích được kiểm tra và bảo trì thường xuyên.          |
| <input type="checkbox"/> | Độ nén của đất được giảm thiểu bất cứ khi nào có thể.                                     |
| <input type="checkbox"/> | Thực hiện giảm việc làm đất hoặc không làm đất.                                           |
| <input type="checkbox"/> | Bất cứ khi nào có thể, hãy sử dụng cây che phủ hoặc phân xanh.                            |

## 9.0 Tưới nước – Tiết kiệm nước

- |                          |                                                                                                        |
|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> | Tưới nhỏ giọt được áp dụng.                                                                            |
| <input type="checkbox"/> | Lớp phủ hàng hoặc lớp phủ nhựa được sử dụng.                                                           |
| <input type="checkbox"/> | Việc tưới nước được thực hiện vào thời điểm làm giảm tình trạng bệnh và/hoặc sự lây truyền do bay hơi. |
| <input type="checkbox"/> | Hệ thống tưới nước được khoanh vùng.                                                                   |
| <input type="checkbox"/> | Việc tưới nước được thực hiện khi cần thiết bằng cách kiểm tra đất.                                    |
| <input type="checkbox"/> | Cây trồng chỉ phụ thuộc vào nước mưa.                                                                  |



|                          |                                                                                                                                                            |  |
|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| <b>10.0</b>              | <b>Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM)</b>                                                                                                                     |  |
| <input type="checkbox"/> | Các loài gây hại được theo dõi và sử dụng thuốc trừ sâu dựa trên ngưỡng kinh tế/hành động.                                                                 |  |
| <input type="checkbox"/> | Các hóa chất thuốc trừ sâu được luân chuyển để ngăn chặn sự kháng thuốc của sâu bệnh.                                                                      |  |
| <input type="checkbox"/> | Hạt giống đã qua xử lý được sử dụng khi có thể.                                                                                                            |  |
| <input type="checkbox"/> | Các lựa chọn quản lý phòng ngừa được tích hợp giữa các biện pháp kiểm soát văn hóa, cơ học, vật lý, di truyền và sinh học.                                 |  |
| <input type="checkbox"/> | Các khóa đào tạo và hội thảo thường xuyên được tham dự để cập nhật các Thông lệ IPM mới nhất.                                                              |  |
| <b>10.1</b>              | <b>Việc lựa chọn thuốc trừ sâu dựa trên:</b>                                                                                                               |  |
| <input type="checkbox"/> | Hướng dẫn quản lý rau/trái cây của UMass.                                                                                                                  |  |
| <input type="checkbox"/> | Khuyến nghị từ các cá nhân có trình độ hoặc nhà cung cấp hóa chất.                                                                                         |  |
| <input type="checkbox"/> | Thời điểm lịch sử.                                                                                                                                         |  |
| <b>10.2</b>              | <b>Các phương pháp được sử dụng để giảm thiểu hoặc ngăn chặn quần thể dịch hại hình thành trên cây trồng.</b>                                              |  |
| <input type="checkbox"/> | Các mảnh vụn/loại bỏ sau thu hoạch bị tiêu hủy và/hoặc loại bỏ khỏi khu vực trồng trọt để phá vỡ chu kỳ sâu bệnh.                                          |  |
| <input type="checkbox"/> | Việc cắt chu vi được thực hiện.                                                                                                                            |  |
| <input type="checkbox"/> | Cắt xén được luân chuyển.                                                                                                                                  |  |
| <b>11.0</b>              | <b>Ứng dụng/Lưu trữ thuốc trừ sâu</b>                                                                                                                      |  |
| <input type="checkbox"/> | Giấy phép sử dụng thuốc trừ sâu hiện hành.                                                                                                                 |  |
| <input type="checkbox"/> | Giấy phép thuốc trừ sâu không cần thiết cho trang trại dựa trên loại hóa chất được sử dụng.                                                                |  |
| <input type="checkbox"/> | Trang trại không cần giấy phép thuốc trừ sâu vì không sử dụng hóa chất cho cây trồng.                                                                      |  |
| <input type="checkbox"/> | Các Tiêu chuẩn Bảo vệ Người lao động của EPA (WPS) đã được áp dụng.                                                                                        |  |
| <input type="checkbox"/> | Trang trại được miễn WPS vì chỉ có thành viên gia đình trực hệ mới làm việc trên trang trại.                                                               |  |
| <input type="checkbox"/> | Hồ sơ thuốc trừ sâu được cập nhật và bao gồm ngày áp dụng, id ruộng, dịch hại mục tiêu, tên thuốc trừ sâu, tỷ lệ công thức và số lượng mẫu đất được xử lý. |  |
| <input type="checkbox"/> | Kho chứa thuốc trừ sâu được bảo đảm, bao bọc và đặt đúng nơi.                                                                                              |  |
| <input type="checkbox"/> | Thuốc trừ sâu được lựa chọn có tính đến đặc điểm của đất và vị trí nước ngầm/mặt nước.                                                                     |  |
| <input type="checkbox"/> | Thiết bị phun thuốc trừ sâu đã được hiệu chuẩn.                                                                                                            |  |
| <input type="checkbox"/> | Các khóa đào tạo và hội thảo được tổ chức thường xuyên vì mục đích giáo dục và/hoặc để duy trì giấy phép.                                                  |  |



|                          |                                                                                                                                        |  |
|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| <b>12.0</b>              | <b>Tăng cường thụ phấn</b>                                                                                                             |  |
| <input type="checkbox"/> | Ong và các loài thụ phấn khác được bảo vệ tích cực khỏi việc sử dụng thuốc trừ sâu bằng cách cân nhắc thời gian và loại thuốc trừ sâu. |  |
| <input type="checkbox"/> | Trang trại bảo tồn và/hoặc tăng cường môi trường sống của ong và các loài thụ phấn.                                                    |  |
| <input type="checkbox"/> | Trang trại tạo ra hoặc duy trì các khu vực không bị xáo trộn cho ong đất và các loài thụ phấn.                                         |  |
| <b>13.0</b>              | <b>Thực hành bảo tồn năng lượng trong trang trại</b>                                                                                   |  |
| <input type="checkbox"/> | Việc dùng hoạt động quá mức của phương tiện, thiết bị và máy bơm được xem xét trong trang trại.                                        |  |
| <input type="checkbox"/> | Hệ thống tưới tiêu được duy trì để hoạt động hiệu quả nhất có thể.                                                                     |  |
| <input type="checkbox"/> | Các nguồn năng lượng tái tạo được sử dụng. (Năng lượng mặt trời, gió, địa nhiệt, v.v.)                                                 |  |
| <input type="checkbox"/> | Năng lượng tại trang trại được giám sát và kế hoạch giảm năng lượng được áp dụng dựa trên thông tin này?                               |  |
| <input type="checkbox"/> | Tái chế chất thải được thực hiện. (Bìa cứng, Giấy, Dầu động cơ đã qua sử dụng, Hộp đựng đồ uống, v.v.)                                 |  |